

Số: 237 /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hòa Bình
giai đoạn 2016 – 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ- CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13, Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 24/6/2014 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp cho giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 10/TTr-LĐTĐBXH ngày 15/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020, như sau:

(Có Đề án chi tiết đính kèm)

Điều 2. Giao Sở lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án theo những nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM (NL90).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang
Nguyễn Văn Quang

**ĐỀ ÁN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH HÒA BÌNH
GIAI ĐOẠN 2016- 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 237/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghèo đói là hiện tượng kinh tế - xã hội tồn tại ở tất cả các nước trên thế giới và trải qua nhiều giai đoạn phát triển của mỗi nước; giải quyết vấn đề nghèo đói là nhiệm vụ lâu dài của toàn Đảng, toàn dân ta. Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan luôn tồn tại một bộ phận người có thu nhập thấp, có mức sống dưới ngưỡng nghèo đòi hỏi phải có sự hỗ trợ vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm giảm tỷ lệ nghèo hàng năm hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền, các ngành và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức của các tầng lớp nhân dân về công tác giảm nghèo đã có sự chuyển biến rõ rệt. Nhiều gia đình, xóm, bản, xã, đã vươn lên thoát nghèo; những điển hình về xóa đói, giảm nghèo ngày càng được nhân rộng. Kết quả chương trình giảm nghèo đã góp phần ổn định xã hội, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên, hộ nghèo tỉnh Hòa Bình còn có tỷ lệ cao trong khu vực và tập trung vào vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tập trung vào một số xã, xóm đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung toàn tỉnh theo kết quả điều tra cuối năm 2015 theo tiêu chí nghèo đa chiều là 24,38 %. Trong đó: các huyện có tỷ lệ nghèo cao như: Đà Bắc 51,75%, Lạc Sơn 38,50%, Kim Bôi 35,04%... tỷ lệ hộ nghèo chung khu vực nông thôn là 28,56%, khu vực thành thị là 2,95%. Vấn đề giảm nghèo trong thời gian tới là những thách thức mới đối với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, yêu cầu việc xây dựng chương trình giảm nghèo trong giai đoạn 2016 - 2020 cần có những giải pháp tổng thể, tích cực, phù hợp mới giải quyết tốt mục tiêu giảm nghèo ở địa phương.

Xuất phát từ thực tiễn; đồng thời, để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ công tác giảm nghèo trong tình hình mới, thực hiện có hiệu quả các chính sách, giải pháp giảm nghèo, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo theo Nghị quyết Đại hội

Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, việc xây dựng Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016 - 2020 là cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 80/NQ- CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

- Nghị quyết số 76/2014/QH13, Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 24/6/2014 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

- Quyết định số 293/QĐ-TTg, ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ Về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

- Quyết định số 800/QĐ- TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Quyết định số 59/2015/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp cho giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2016-2021;

- Quyết định số 73/QĐ-UBND, ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ đầu tư 36 thôn, bản khó khăn nhất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÒA BÌNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Giai đoạn 2011-2015 là giai đoạn khó khăn do tác động của lạm phát và suy giảm kinh tế, nhiều doanh nghiệp bị giải thể hoặc phải ngừng hoạt động, lao động bị mất việc làm. Một số công trình xây dựng bị đình hoãn, dẫn tiến độ, dừng hoạt động, chậm đưa vào khai thác sử dụng không phát huy hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống cho nhân dân. Việc khai thác tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội còn chưa hiệu quả; chất lượng một số dịch vụ xã hội chưa đáp ứng yêu cầu, chất lượng giáo dục giữa các vùng chưa đồng đều, chất lượng một số dịch vụ khám chữa bệnh chưa cao; xuất khẩu lao động gặp nhiều khó khăn; giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ tái nghèo cao. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của

Đảng bộ, chính quyền các cấp, các thành phần kinh tế và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn có bước phát triển khá, các chỉ tiêu kinh tế đều có mức tăng tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 9,1%; tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 19,4%, công nghiệp - xây dựng chiếm 54%, dịch vụ chiếm 26,6; GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 36,5 triệu đồng; thu ngân sách đạt khoảng 2.250 tỷ đồng; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 16,2%; tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2015 còn 12,26%. Đời sống nhân dân các dân tộc tiếp tục được cải thiện; văn hóa xã hội có bước tiến bộ mới; chính trị, xã hội ổn định.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO

Mặc dù tình hình kinh tế xã hội trong và ngoài nước còn gặp nhiều khó khăn, song các chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách giảm nghèo nói riêng vẫn được Đảng và nhà nước quan tâm đầu tư. Tỉnh Hòa Bình đã hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, trong đó lĩnh vực xoá đói giảm nghèo đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, cụ thể:

Tổng nguồn lực huy động để triển khai các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo trong giai đoạn 2011 -2015 của tỉnh là 6.209,4 tỷ đồng. Trong đó Ngân sách Trung ương bố trí thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo là: 5.552,28 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh bố trí thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù của tỉnh là 69,83 tỷ đồng; Nguồn huy động: 48,78 tỷ đồng; Vốn Dự án giảm nghèo giai đoạn II (vốn vay WB): 538,50 tỷ đồng.

Kết quả đã có 74.903 lượt hộ nghèo và cận nghèo được vay vốn đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình; 12.518 lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn; hỗ trợ hộ nghèo làm nhà theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg và Quyết định 67/2010/QĐ-TTg là 18.309 hộ với tổng số vốn huy động là 433 tỷ đồng, trợ giúp pháp lý cho 8.165 lượt người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Các chính sách triển khai thực hiện đạt 100% kế hoạch giao như: cấp phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí 2.411.006 lượt người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số với số tiền trên 1.438 tỷ đồng; thực hiện cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập cho 586.269 học sinh, sinh viên với tổng kinh phí trên 245 tỷ đồng; thực hiện một số chính sách hỗ trợ đặc thù và an sinh xã hội như hỗ trợ 66,11 tỷ đồng đầu tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo Quyết định số 1952/QĐ-TTg; hỗ trợ 14,04 tỷ đồng đầu tư 9 điểm định canh, định cư tập trung và xen ghép cho đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao đời sống cho các hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg số tiền 84,493 tỷ đồng; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo 177.124 lượt hộ nghèo tương đương 76,191 tỷ đồng. Một số chính sách đặc thù của địa phương hỗ trợ người nghèo trong dịp tết nguyên đán với mức 300.000đ/ hộ bằng 54,03 tỷ đồng; thực hiện Đề án hỗ trợ 36 thôn bản đặc biệt khó khăn nhằm tạo sự chuyển biến nhanh về sản xuất, cải thiện nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào dân tộc sống ở các thôn, bản khó khăn nhất với tổng kinh phí được duyệt là 133,97 tỷ đồng.

- Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao: tổng kinh phí 36 tỷ đồng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Dự án Chương trình 135 giai đoạn II.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất với tổng kinh phí 91.473 triệu đồng với số hộ được hưởng lợi là 62.646 hộ

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng vốn đầu tư 541.762 triệu đồng để đầu tư 702 công trình (làm mới và sửa chữa, nâng cấp đường giao thông, ngầm qua suối, cầu treo dân sinh, nâng cấp sửa chữa trường lớp học, hồ chứa nước, trạm bơm ...) Qua đó đã làm thay đổi cơ bản hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn vùng cao, phục vụ tích cực cho sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

+ Hỗ trợ nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng: mở 37 lớp đào tạo, tập huấn cho 1.916 lượt học viên. Qua học tập huấn trình độ, năng lực và nhận thức của đội ngũ cán bộ xã, thôn bản được nâng lên rõ rệt, thể hiện ở công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện cũng như công tác kiểm tra giám sát đầu tư trên địa bàn từng bước đạt hiệu quả.

- Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo đã thực hiện xây dựng 13 mô hình giảm nghèo với tổng kinh phí 3.250 triệu đồng để thực hiện các mô hình chăm nuôi, trồng trọt, kết quả đã góp phần tăng thu nhập của hộ nghèo lên 20% tạo việc làm thêm cho các hộ tham gia dự án, hộ nghèo được trang bị kiến thức, chuyên giao kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt nâng cao trình độ nhận thức cho người dân dự án góp phần đáng kể vào việc giảm tỷ hộ nghèo hàng năm của các địa phương.

- Công tác nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo: tập huấn nâng cao năng lực cho 4.830 cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, tổng kinh phí 2,80 tỷ đồng. Thông qua chương trình đã nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện tại địa phương, cơ sở.

- Dự án giảm nghèo do Ngân hàng thế giới tài trợ 487,6 tỷ đồng, vốn đối ứng của địa phương 48,7 tỷ đồng, với tổng kinh phí trên 536 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân vượt so với kế hoạch giao, tập trung đầu tư chủ yếu vào xây dựng cơ sở hạ tầng các xã nghèo về các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, công trình chợ, và hỗ trợ sinh kế và dịch vụ sản xuất, liên kết thị trường.

Trong giai đoạn 2011 -2015 đã huy động sự tham gia tích cực của các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị- xã hội tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo đã tạo được sự ủng hộ của đông đảo các tầng lớp nhân dân như: phong trào ủng hộ quỹ "vì người nghèo" do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hòa Bình phát động; Hội Phụ nữ với phong trào giúp đỡ hỗ trợ xây dựng nhà "mái ấm tình thương" hỗ trợ xây nhà cho 143 phụ nữ nghèo....

Tổng hợp kết quả giảm nghèo chung toàn tỉnh đã có 34.655 hộ thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 31,51% cuối năm 2010 xuống còn 12,26 % vào cuối năm 2015 (theo chuẩn nghèo cũ); vượt chỉ tiêu kế hoạch của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình đề ra "Mỗi năm giảm 3% hộ nghèo trong toàn tỉnh". Trong đó:

- Đầu năm 2011: tỷ lệ hộ nghèo 31,5%.
- Cuối năm 2011: tỷ lệ hộ nghèo giảm 5,42. còn 26,09 %.
- Năm 2012: tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,36%, còn 21,73%.
- Năm 2013: tỷ lệ hộ nghèo giảm 3.03 %, còn 18,70%
- Năm 2014: tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,24%, còn 15,46 %
- Năm 2015: tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,2%, còn 12,26 %

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ GIẢM NGHÈO

1. Ưu điểm

- Công tác chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở đồng bộ, hiệu quả, huy động các nguồn lực tương đối tốt, hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo mà Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra trong giai đoạn 2011 - 2015. Góp phần nâng cao nhận thức về mục tiêu, vai trò, ý nghĩa của chương trình giảm nghèo, làm chuyển biến nhận thức, hành động của các cấp, các ngành, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào công cuộc giảm nghèo của tỉnh.

- Nguồn lực của nhà nước cũng như nguồn lực huy động từ xã hội cho công tác giảm nghèo tương đối lớn, ngân sách phân bổ năm sau cao hơn năm trước và có sự đầu tư tập trung, trọng điểm theo thứ tự ưu tiên đối với thôn, xã và huyện nghèo, đối với nhóm hộ nghèo đặc thù.

- Nhiều chính sách ưu đãi mới của Đảng, Nhà nước, Chính phủ được ban hành và tổ chức thực hiện đã đi vào cuộc sống người dân như: chính sách về nhà ở, bảo hiểm y tế, giáo dục, Nghị quyết số 293/NQ-CP của Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện nghèo, cùng nhiều chính sách khác đã triển khai thực hiện có hiệu quả. Nhờ vậy đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng xa, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội như: trường học, bệnh viện, đường giao thông, thuỷ lợi... được cải thiện cơ bản, đáp ứng được nhu cầu thiết yếu về đi lại, khám chữa bệnh và học tập của người dân.

- Nhận thức của nhân dân về công tác giảm nghèo đã có sự chuyển biến và nâng cao rõ rệt, nhóm hộ nghèo, hộ có thu nhập thấp và nhóm hộ ở vùng cao đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh và vươn lên thoát nghèo, làm giàu cho bản thân.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song tỉnh Hòa Bình vẫn là tỉnh có tỷ lệ nghèo cao so với bình quân cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo tuy giảm nhanh nhưng chưa bền vững và nguy cơ tái nghèo cao, số hộ cận nghèo còn nhiều. Còn một bộ phận hộ nghèo chưa tích cực phấn đấu vươn lên thoát nghèo, còn có tư tưởng ỷ lại trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo có thời điểm còn chưa phản ánh đúng, đầy đủ mức sống của nhân dân trên địa bàn.

- Nguồn lực bố trí cho Chương trình xoá đói giảm nghèo chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu cần có của các chương trình giảm nghèo, đầu tư còn phân tán. Một số chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo đầu tư còn dàn trải, chông chéo, trùng lặp chế độ, đối tượng trên cùng một địa bàn, việc hỗ trợ còn mang tính bình quân, mức hỗ trợ thấp, hiệu quả chưa cao; bố trí nguồn lực chưa hợp lý, lồng ghép hoạt động giữa các chương trình khác với chýõng trình, dự án giảm nghèo còn hạn chế, nhất là đầu tư cho thôn nghèo, xã nghèo, huyện nghèo về cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Năng lực quản lý, điều hành Chương trình giảm nghèo bền vững của cán bộ thôn bản, xã phường vẫn còn nhiều hạn chế.

- Việc có quá nhiều chính sách hỗ trợ (cho không), liên quan đến lợi ích trực tiếp của hộ nghèo, thôn, xã và huyện nghèo, từ đó làm mất đi động lực phát triển, tạo nên tâm lý trông chờ, ỷ lại, không muốn thoát nghèo trong một bộ phận hộ nghèo, kể cả địa phương nghèo (duy trì một tỷ lệ hộ nghèo nhất định để thôn, xã, huyện đạt tiêu chí thôn, xã, huyện nghèo); công tác hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách, dự án giảm nghèo còn chậm, thiếu cụ thể, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục, chính sách hỗ trợ sản xuất tại huyện nghèo.

3. Nguyên nhân tồn tại

3.1. Nguyên nhân khách quan: Do xuất phát điểm của tỉnh nghèo, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, thiên tai, dịch bệnh, thường xuyên xảy ra; biến động chính trị và ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới; nguồn thu ngân sách của tỉnh và một số địa phương còn thấp; số lượng hộ nghèo, cận nghèo, thôn, xã và huyện nghèo của tỉnh còn nhiều, tập trung chủ yếu ở khu vực vùng sâu, vùng xa nên rất khó khăn cho công tác giảm nghèo.

3.2. Nguyên nhân chủ quan: Người đứng đầu ở một số ngành, đơn vị, địa phương chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, giải pháp giảm nghèo hoặc có nhưng chưa thường xuyên. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú; phân cấp quản lý còn bất cập, thiếu sự phối hợp giữa các ngành, địa phương. Vai trò của chính quyền, mặt trận, đoàn thể ở một số địa phương, cơ sở chưa phát huy. Trình độ dân trí của một bộ phận người dân còn thấp, ý thức tự lực vươn lên trong cuộc sống của một bộ phận hộ nghèo chưa cao, một bộ phận người dân và chính quyền địa phương không muốn thoát nghèo để hưởng cơ chế, chính sách giảm nghèo. Việc sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, khen thưởng chưa được chú trọng.

- Một số cơ chế, chính sách giảm nghèo ban hành chưa nghiên cứu kỹ để phù hợp với từng vùng, miền, từng nhóm đối tượng đặc thù; mức đầu tư thấp, đa phần mang tính hỗ trợ trực tiếp (y tế, nhà ở, tiền điện,...), chậm điều chỉnh, bổ sung; các chính sách hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo để phát triển sản xuất chưa nhiều, mức đầu tư thấp, tổ chức thực hiện gặp nhiều vướng mắc (dạy nghề, tín dụng, xuất khẩu lao động, chương trình 135,...), chưa đáp ứng yêu cầu thực tế để đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững; một số cơ chế, chính sách ban hành nhưng bố trí nguồn lực thực hiện không kịp thời.

Phần thứ ba

NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH HÒA BÌNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội nhằm xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu nhất là đối với xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; từng bước tạo điều kiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, trước hết là khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã nghèo, huyện nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa vùng thấp và vùng cao, giữa thành thị và nông thôn. Đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo bền vững ở vùng nông thôn và các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; gắn giảm nghèo bền vững với chương trình xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin) phấn đấu hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo mà Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2016 -2020 đã đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục phấn đấu duy trì giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 3%, theo Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVI; các huyện nghèo, xã nghèo giảm tỷ lệ bình quân mỗi năm từ 4-5%. Tiếp tục hỗ trợ đồng bộ kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn theo bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn cần được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, tạo điều kiện cho người dân tham gia thực hiện các hoạt động của chương trình để tăng thu nhập thông qua tạo việc làm công nhằm phát huy hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư. Phấn đấu đến 2020 có 100% thôn, bản khó khăn nhất có đường giao thông được cứng hóa cho xe cơ giới đến trung tâm, 90% thôn bản có công trình thủy lợi đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất cho trên 90% diện tích trồng lúa nước.

- Phấn đấu đến năm 2020 có 80 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trường thôn, bản được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, xây dựng phát triển cộng đồng.

- 100% cán bộ làm công tác thông tin - truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động; 50% xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời; 100% huyện và 50% xã được trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động.

- 90% các hộ dân thuộc địa bàn xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác.

- 100% hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn.

- 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân

- Thu nhập của hộ gia đình tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tăng 20% trở lên/năm, bình quân mỗi năm có ít nhất 15% hộ gia đình tham gia thoát nghèo, cận nghèo.

- Bảo đảm nguồn lực, thực hiện đầy đủ chính xác, kịp thời các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, người nghèo; 100 % số hộ nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn sản xuất được xét duyệt cho vay; 100 % người nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp phát thẻ khám chữa bệnh miễn phí; 100 % người cận nghèo được hỗ trợ tham gia mua bảo hiểm y tế; 100% đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ học tập được thực hiện đầy đủ; 100 % hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện theo qui định; thực hiện tốt các chính sách khác liên quan đến hộ nghèo, người nghèo, người có thu nhập thấp.

- Phần đầu số lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 15.000 lao động/năm, trong đó lao động nông thôn được đào tạo nghề khoảng 6.000 lao động/năm.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Đề án triển khai trên phạm vi toàn tỉnh (210 xã, phường, thị trấn), ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn và thôn, bản đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng

- Đối tượng của Đề án bao gồm: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo, lao động nông thôn, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Người dân và cộng đồng trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

- Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan

III. CÁC CHÍNH SÁCH, DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG THUỘC ĐỀ ÁN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH HÀ BÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Các chính sách giảm nghèo chung về hỗ trợ hộ nghèo về dân sinh và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

1.1. Hỗ trợ về sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo, người có thu nhập thấp

- Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo, cận nghèo, người tàn tật, người dân tộc thiểu số vùng khó khăn, người bị thu hồi đất để phục vụ cho các công trình của Nhà nước:

- Nội dung: thực hiện đầy đủ chính sách đào tạo nghề theo qui định của Chính phủ, dạy nghề gắn với tạo việc làm đối với lao động nông thôn, lao động nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ lao động sau khi được học nghề có 75 % trở lên có việc làm ổn định.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện.

1.2. Chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo:

- Nội dung: tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cải cách để đơn giản về điều kiện, thủ tục hồ sơ giúp hộ nghèo được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng. Gắn vay vốn tạo việc làm tại chỗ với hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

- Phân công thực hiện: Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành, tổ chức đoàn thể, hội liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện.

1.3. Hỗ trợ về y tế:

- Nội dung: thực hiện có hiệu quả chính sách cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được nhà nước đóng và hỗ trợ đóng như người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người dân tộc thiểu số, người dân sống vùng đặc biệt khó khăn, đối tượng chính sách người có công, bảo trợ xã hội. Hỗ trợ người thuộc hộ cận nghèo mua bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm Y tế.

- Phân công thực hiện: Các sở, ngành, địa phương căn cứ vào Quy định về quản lý, lập danh sách mua, cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ đóng được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND, ngày 13/10/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình để thực hiện.

1.4. Hỗ trợ về giáo dục - đào tạo và đầu tư cơ sở vật chất về giáo dục vùng nghèo: thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp học theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ

thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

- Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

1.5. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ trực tiếp: hỗ trợ cho người dân thuộc hộ nghèo vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ:

- Nội dung: Hỗ trợ đời sống người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội vùng khó khăn; Hỗ trợ người dân nâng cao năng suất, chất lượng nông sản.

- Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện thực hiện.

1.6. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng, hộ dân tộc thiểu số sống ở vùng chưa có điện lưới:

- Nội dung: Hỗ trợ trực tiếp tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng, hộ dân tộc thiểu số sống ở vùng chưa có điện lưới: thực hiện theo Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg, ngày 30/10/2014; Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg, ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công thực hiện: Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện.

1.7. Hỗ trợ về nhà ở: Thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số: 33/2015/QĐ-TTg, ngày 10/8/2015 về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2)

Nội dung: Thực hiện hỗ trợ về nhà ở cho 10.582 hộ nghèo được vay vốn ưu đãi để cải thiện nhà ở đối với hộ hiện chưa có nhà hoặc có nhà nhưng nhà ở tạm bợ, hư hỏng, dột nát có nguy cơ đổ sập và không có khả năng tự cải thiện nhà ở.

Phân công thực hiện: Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh cùng các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện.

1.8. Hỗ trợ người nghèo, cận nghèo, người ở vùng khó khăn tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:

- Nội dung: thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, ưu tiên và tập trung hơn đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận với các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

- Phân công thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện.

2. Các chính sách, dự án thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

2.1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn. (Chương trình 135)

- Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ: Các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; Các công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; Trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng; Trạm y tế xã đạt chuẩn; Các công trình trường, lớp học đạt chuẩn; Cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi nhỏ; Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân; Các loại công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi. Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

+ Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

2.2. Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn. (Chương trình 135)

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn về quy trình, kỹ năng tổ chức thực hiện Chương trình, các vấn đề liên quan khác trong giảm nghèo.

+ Nâng cao năng lực cho cộng đồng các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn để đảm bảo tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát cộng đồng với các hoạt động của Chương trình.

- Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

2.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn trong Chương trình 135 và ngoài ngoài Chương trình 135.

- Mục tiêu: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với quy hoạch sản xuất; khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương; góp phần giảm rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; góp phần tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn; Hỗ trợ đa dạng các

hình thức sinh kế phi nông nghiệp, ngành nghề dịch vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa bàn; Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả; tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường.

- Đối tượng: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn; Tổ chức và cá nhân có liên quan; Tạo điều kiện để người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản...;

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: nhà xưởng; máy móc thiết bị; vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

+ Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

+ Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

+ Nhân rộng mô hình giảm nghèo: Nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp; mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; ưu tiên nhân rộng các mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư;

Xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản để tăng thu nhập cho người dân; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp, tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất;

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp chỉ đạo hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp chỉ đạo hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo.

2.4. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện các chương trình giảm nghèo.

- Nội dung hỗ trợ: Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị về giảm nghèo; Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết); Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

2.5. Truyền thông về giảm nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Truyền thông về giảm nghèo: Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo; phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo từ Trung ương tới địa phương, cơ sở; Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; Tổ chức các hoạt động truyền thông giảm nghèo theo hình thức sân khấu hóa để thúc đẩy giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giữa các thôn, bản, xã, huyện thực hiện Chương trình; Phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

+ Giảm nghèo về thông tin: Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở; ưu tiên cho cán bộ cấp xã và cấp thôn, bản; Hỗ trợ sản xuất, biên tập, phát sóng, phát hành, truyền tải, lưu trữ, quảng bá, phục vụ người đọc các sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, xuất bản phẩm và các sản phẩm thông tin khác để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình và các thông tin thiết yếu khác; Hỗ trợ phương tiện nghe, xem cho các hộ nghèo thuộc các dân tộc ít người; hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn;. Trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại huyện, xã;

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất;

+ Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động giảm nghèo về thông tin,

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông về giảm nghèo.

3. Duy trì và thực hiện tốt chính sách đặc thù của địa phương

- Triển khai thực hiện tốt Đề án đầu tư, hỗ trợ 36 thôn, bản khó khăn nhất tỉnh Hòa Bình: Tạo sự chuyển biến về sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất gắn với thị trường; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các thôn, bản khó khăn nhất một cách bền vững.

- Hàng năm hỗ trợ cho hộ nghèo trong dịp tết nguyên đán hỗ trợ căn cứ vào điều kiện cụ thể từng năm, đảm bảo hỗ trợ kịp thời đến từng hộ nghèo trước ngày tết nguyên đán hàng năm.

Phân công thực hiện: Ban dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

4. Dự án giảm nghèo giai đoạn 2 (2015- 2018)

- *Nội dung*: Nhằm nâng cấp mức sống của người hưởng lợi vùng dự án thông qua cải thiện việc tiếp cận cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; tăng cường năng lực thể chế của chính quyền cơ sở và năng lực sản xuất của cộng đồng địa phương; hỗ trợ lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; tăng cường liên kết thị trường và sáng kiến kinh doanh, góp phần giảm nghèo bền vững cho 42 xã khó khăn tại 5 huyện của tỉnh.

+ Nghiên cứu xây dựng các mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình giảm nghèo để tạo điều kiện nâng cao năng lực sản xuất cho người nghèo, hộ nghèo; tạo điều kiện cho hộ nghèo, người nghèo học hỏi và áp dụng để phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững trên địa bàn từ đó nhân rộng ra các địa phương khác.

+ Khuyến khích, giúp đỡ hộ nghèo và cộng đồng tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; nhân rộng mô hình giảm nghèo liên kết giữa hộ nghèo với doanh nghiệp; hỗ trợ kết nối hộ nghèo với thị trường thông qua phát triển các đơn vị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ đó phát triển kinh tế xã hội giảm tỷ lệ hộ nghèo tại địa phương.

- Phân công thực hiện: Ban quản lý Dự án giảm nghèo tỉnh Hòa Bình thuộc Sở Kế hoạch - Đầu tư, Ban quản lý giảm nghèo các huyện Đà Bắc, Mai Châu, Tân Lạc, Lạc Sơn, Yên Thủy, và Ban phát triển các xã tham gia.

5. Đề án hỗ trợ hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ

- *Nội dung*: tiếp tục thực hiện Đề án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, ngày 05/02/2013 nhằm giảm nghèo nhanh, bền vững đối với 02 huyện Kim Bôi và Đà Bắc.

- *Phân công thực hiện*: Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân 02 huyện Kim Bôi và Đà Bắc thực hiện.

6. Thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường

- *Nội dung:* Tiếp tục đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Phần đầu đến năm 2020 có 95 % dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% trường học, trạm y tế, chợ, trụ sở UBND xã sử dụng nước theo Quy chuẩn Việt Nam 02:2009 của Bộ Y tế. 90% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.

- *Phân công Đơn vị thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thực hiện.

7. Tăng cường nguồn nhân lực làm công tác giảm nghèo, an sinh xã hội, công tác xã hội cấp xã

- *Nội dung:* thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ -TTg ngày 25/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Nghề công tác xã hội giai đoạn 2010- 2020; UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành Kế hoạch số 2268/UBND ngày 09/12/2010 phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020. Theo đó, mục tiêu của Chính phủ là phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên công tác xã hội, phần đầu mỗi xã, phường thị trấn có ít từ 1 đến 2 nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về công tác xã hội, với mức phụ cấp hàng tháng bằng mức lương cơ sở do Chính phủ qui định áp dụng cho từng thời kỳ, để thực hiện các hoạt động công tác xã hội tại cơ sở, trong đó có nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế - xã hội

- Đề án giảm nghèo tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020 giúp hộ nghèo được thụ hưởng các chính sách, cơ chế của nhà nước, và chính sách đặc thù của tỉnh; Tăng khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, hỗ trợ về nhà ở và các dịch vụ xã hội cơ bản như hỗ trợ y tế, giáo dục, dạy nghề và giới thiệu việc làm, trợ giúp pháp lý cho người nghèo.... tập trung đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, phục vụ dân sinh từng bước tạo điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện Đề án sẽ góp phần thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo, thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ khoa học kỹ thuật cho người nghèo, giúp người nghèo sử dụng nguồn lực hỗ trợ của nhà nước một cách hiệu quả, giúp các hộ nghèo phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVI.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Các chính sách về giảm nghèo của Trung ương được ban hành và tổ chức thực hiện đã đi vào cuộc sống và huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận, tham gia của các tầng lớp nhân dân và nhất là người nghèo.

- Các chỉ tiêu, kế hoạch giảm nghèo đã được đưa vào Nghị quyết để thực hiện. Nhận thức của người dân về công tác giảm nghèo đã có sự chuyển biến và nâng cao; người lao động ở khu vực nông thôn đã được đào tạo nghề, biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh.

2.2. Khó khăn

- Xuất phát điểm kinh tế - xã hội của tỉnh thấp; nguồn lực đầu tư của Chương trình chủ yếu từ ngân sách Trung ương phân bổ, việc huy động nguồn lực của cộng đồng chưa được phát huy. Thời tiết, khí hậu, thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân gặp nhiều khó khăn; nền sản xuất chủ yếu là nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, phân công lao động chưa hợp lý, phần lớn lao động đang tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp mang tính thời vụ, thị trường đầu ra không ổn định; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phát triển còn chậm.

- Nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, chưa tích cực phấn đấu vươn lên thoát nghèo, còn tư tưởng ỷ lại trong chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; vẫn còn một bộ phận người nghèo và chính quyền địa phương chưa muốn thoát nghèo để hưởng cơ chế, chính sách của nhà nước.

Phần thứ tư

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. CÁC GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác giảm nghèo bền vững. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả chương trình. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, sự tham gia của người dân trong công tác tuyên truyền, vận động nhằm chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo.

2. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, vận động người nghèo, hộ nghèo, người chưa có hoặc thiếu việc làm phát huy khả năng của bản thân, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước chủ động phấn đấu vươn lên vượt qua đói nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

3. Tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện Đề án: Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn; tăng cường huy động đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp theo

hình thức xã hội hóa; vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân, tham gia đóng góp của người dân và đối tượng hưởng.

Lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn, nhằm huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng hạ tầng giao thông.

4. Tăng cường nhân lực và nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác giảm nghèo, an sinh xã hội ở cơ sở, đặc biệt quan tâm đối với các xã vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng CT229, chú trọng phát triển hệ thống mạng lưới an sinh xã hội để giúp đỡ đối tượng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế trong xã hội. Thực hiện đúng, kịp thời các chính sách hiện hành để đảm bảo cho người nghèo được hưởng đầy đủ các ưu đãi về giáo dục, y tế, an sinh xã hội và các chính sách mới được ban hành. Sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, cần đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, quan tâm nhiều hơn đến những vùng đặc biệt khó khăn. Khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý đối tượng nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội.

5. Phát động mạnh mẽ phong trào đóng góp vào "Quỹ vì người nghèo" và huy động nguồn kinh phí từ xã hội hóa đến mọi tổ chức kinh tế, xã hội, các tầng lớp dân cư, nhằm huy động nguồn lực chia sẻ trách nhiệm cộng đồng để hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở được hỗ trợ sửa chữa, làm nhà mới.

6. Nghiên cứu bổ sung chính sách đặc thù của địa phương, đề xuất chính sách đối với hộ thoát nghèo nhằm thúc đẩy, khuyến khích các hộ nghèo đăng ký thoát nghèo.

7. Khuyến khích các thành phần trong xã hội khởi nghiệp, đặc biệt khơi dậy tinh thần khởi nghiệp trong thanh niên. Phát động và hỗ trợ phong trào "Thanh niên khởi nghiệp" do Trung ương Đoàn TNCSHCM phát động, xác định một trong những hoạt động trọng tâm của thanh niên là thi đua lập nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tạo việc làm nâng cao thu nhập cho người dân và hỗ trợ an sinh xã hội.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện, gắn với sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác tổ chức triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng để kịp thời động viên những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xoá đói giảm nghèo của tỉnh.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện Đề án dự kiến khoảng 8.200 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương phân bổ: 7.654,5 tỷ đồng;
- Ngân sách địa phương cân đối: 80,0 tỷ;
- Vốn vay (WB) thực hiện dự án giảm nghèo giai đoạn II: 315,50 tỷ đồng;
- Huy động đóng góp từ cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế khoảng 150 tỷ đồng.

Phần thứ năm
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đề án được thực hiện ngay sau khi được quyết định phê duyệt; Căn cứ vào nội dung của Đề án, hàng năm cơ quan được giao chủ trì phối hợp với các ngành liên quan thực hiện xây dựng Kế hoạch cụ thể để thực hiện các nội dung của Đề án.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội

Là cơ quan Thường trực Đề án, chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể liên quan chỉ đạo các địa phương xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nghèo tại địa bàn mình; là đầu mối làm việc với Bộ chủ quản để tranh thủ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tại địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện một số dự án: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và lao động nghèo, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động; nhân rộng mô hình giảm nghèo, tổ chức các hoạt động truyền thông về giảm nghèo; đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giảm nghèo các cấp; các hoạt động truyền thông, giám sát, đánh giá và quản lý Chương trình nguồn vốn Chương trình MTQG. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả của chương trình giảm nghèo, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo qui định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan cân đối và phân bổ nguồn vốn đầu tư thực hiện Đề án từ nguồn vốn Trung ương đảm bảo. Hướng dẫn cơ chế quản lý các chương trình phát triển kinh tế - xã hội đối với cấp huyện, các xã đặc biệt khó khăn; kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc thực hiện cơ chế quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia của các ngành, địa phương gắn với việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Theo dõi chỉ đạo Ban quản lý dự án giảm nghèo sử dụng nguồn vốn vay để thực hiện các nội dung của dự án hiệu quả

3. Sở Tài chính

Chủ trì thẩm định, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Lao động – Thương binh và Xã hội bố trí phân bổ nguồn vốn sự nghiệp cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý Ngân sách nhà nước hiện hành; hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách, dự án thuộc Đề án.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Chủ trì triển khai thực hiện Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế; hướng dẫn, chỉ đạo lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường với Đề án giảm nghèo bền vững.

5. Ngân hàng Chính sách xã hội

Chủ trì phối hợp với sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

6. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình 135 các chính sách cho hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc Chương trình 135, các xóm đặc biệt khó khăn, phối hợp với các sở, ngành thực hiện chính sách liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Sở Y tế

Chủ trì, hướng dẫn, thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế, chủ trì thực hiện Dự án Cải thiện hệ thống y tế cơ sở.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo, công tác đầu tư cơ sở vật chất về giáo dục vùng nghèo.

9. Sở Xây dựng

Chủ trì, tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo khu vực nông thôn;

10. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và các địa phương thực hiện các dự án về kết cấu hạ tầng giao thông các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

11. Sở Tư pháp

Chủ trì, hướng dẫn thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo.

12. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền về xóa đói, giảm nghèo. Chỉ đạo hoạt động tuyên truyền về công tác xóa đói giảm nghèo trên công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình. Chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động giảm nghèo về thông tin.

13. Ban Quản lý dự án giảm nghèo tỉnh Hòa Bình

Chủ trì, tham mưu, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện Đà Bắc, Mai châu, Tân Lạc, Lạc Sơn, Yên Thủy triển khai thực hiện Dự án giảm nghèo giai đoạn II.

14. Báo Hòa Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của Đề án giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả về giảm nghèo, tuyên truyền về kết quả hoạt động của Đề án, thông qua đó nâng cao trách nhiệm giảm nghèo cho toàn xã hội.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên tham gia thực hiện các chính sách, dự án thuộc Đề án; hướng dẫn chỉ đạo Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể cấp huyện tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giảm nghèo như phong trào xây dựng Quỹ “Ngày vì người nghèo”; Chương trình xây dựng nông thôn mới, động viên khích lệ tinh tự chủ của người dân vươn lên thoát nghèo, góp phần thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn: xây dựng kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 và hàng năm; bố trí thêm nguồn lực của địa phương để triển khai thực hiện; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch giảm nghèo cụ thể, rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tế tại cơ sở.

Phân công, phân cấp trách nhiệm của các ban, ngành cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm cho cơ sở, tăng cường sự tham gia của người dân.

Chỉ đạo thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chính sách, dự án, hoạt động trên địa bàn cho mục tiêu giảm nghèo, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện chương trình và thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ, hàng năm. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án thuộc Đề án giảm nghèo bền vững của tỉnh trên địa bàn có hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang